*(Mẫu này dành cho tổ chuyên môn)*

Mẫu 1a

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GDĐT ................**  **TRƯỜNG THPT ................**  **TỔ: NGỮ VĂN** | **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC - NĂM HỌC 2020-2021**  **MÔN: NGỮ VĂN**  **KHỐI: 10** |

1. **Thông tin:**
2. Tổ trưởng:

2. Nhóm trưởng chuyên môn:

1. **Kế hoạch cụ thể:**

***HỌC KỲ I***

**Từ tuần 1 đến tuần 18 (thực học)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài học, chủ đề** | **Nội dung/Mạch kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Ghi chú** |
| 1, | 1,2 | Tổng quan văn học  Việt Nam | Những bộ phận hợp thành, tiến trình phát triển của văn học Việt Nam và tư tưởng, tình cảm của con người Việt Nam trong văn học. | - Thấy được hai bộ phận hợp thành của văn học Việt Nam: VHDG và VH viết. Nắm được một cách khái quát tiến trình phát triển của VH viết. Hiểu được những ND thể hiện con người VN trong VH.  - Nhận diện được nền VH dân tộc, nêu được các thời kì lớn và các giai đoạn cụ thể trong các thời kì phát triển của VH DT | - Dạy học trên lớp  - Thảo luận, luyện tập |  |
| 3,4 | Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ | - Khái niệm cơ bản về hđgtbnn: mục đích (trao đổi thông tin về nhận thức, tư tưởng, tình cảm, hành động,…) và phương tiện (ngôn ngữ).  - Hai quá trình trong hđgtbnn: tạo lập vb (nói hoặc viết) và lĩnh hội vb (nghe hoặc đọc).  - Các nhân tố giao tiếp: nhân vật, hoàn cảnh, nội dung, mục đích, phương tiện và cách thức giao tiếp | - Nắm được kiến thức cơ bản về HĐGT bằng ngôn ngữ: Bản chất, hai quá trình, các nhân tố giao tiếp.  - Nâng cao kĩ năng trong các hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. Biết xác định các nhân tố trong một HĐGT. | - Dạy học trên lớp  - Thảo luận, luyện tập |  |
| 2 | 5, 6 | Khái quát VHDG Việt Nam | - Khái niệm văn học dân gian.  - Các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian.  - Những thể loại của văn học dân gian.  - Những giá trị chủ yếu của văn học dân gian. | - Nắm được những nét khái quát về VHDG cùng với những giá trị to lớn, nhiều mặt của bộ phận văn học này.  - Nhận thức và có cái nhìn khái quát về VHDG. | - Dạy học trên lớp  - Sơ đồ hóa  - Hoạt động nhóm |  |
| 3 | 7,8 | Văn bản | - Khái niệm và đặc điểm của vb.  - Cách phân loại vb theo phương thức biểu đạt, theo lĩnh vực và mục đích giao tiếp. | - Nắm được những nét khái quát về văn bản, các đặc điểm cơ bản và các loại VB.  - Nâng cao kĩ năng thực hành phân tích và tạo lập văn bản trong giao tiếp. |  |  |
| 3, 4, 5, 6 | 9, 10,  11,1213,14  15, 16 | **Chủ đề tích hợp:**  **Văn bản tự sự dân gian**  *- Chiến thắng Mtao Mxây*(tríchsử thi*Đăm Săn)*  *- Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thuỷ.*  *- Tấm Cám.*  *-* Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự sự.  - Tóm tắt văn bản tự sự. | - Vẻ đẹp của người anh hùng sử thi Đăm Săn; đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của thể loại *sử thi anh hùng*.  - Bi kịch nước mất nhà tan, bi kịch tình yêu tan vỡ, những bài học lịch sử được phản ánh trong truyền *thuyết Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy;* đặc điểm của truyên thuyết.  - Những mâu thuẫn, xung đột giữa dì ghẻ và con chồng trong gia đình phụ quyền thời cổ, giữa thiện và ác trong xã hội; sức sống mãnh liệt của con người và niềm tin của nhân dân; kết cấu của truyện cổ tích.  - Khái niệm, vai trò, tác dụng của sự việc, chi tiết tiêu biểu trong văn bản tự sự; cách lựa chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu khi tạo lập văn bản tự sự.  - Mục đích, yêu cầu, cách thức TTVBTS dựa theo nhân vật chính. | - Đọc hiểu nội dung và nghệ thuật của các văn bản tự sự dân gian (Chiến thắng Mtao Mxây, Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy, Tấm Cám) theo đặc trưng thể loại. Nắm được ý nghĩa của từng văn bản.  - Đọc (kể) diễn cảm các tác phẩm tự sự dân gian theo đặc trưng thể loại.  - Biết cách chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự sự, tóm tắt được văn bản tự sự. | - Dạy học trên lớp  - Phân vai đọc và cảm nhận  - Vẽ sơ đồ tư duy  - Phân nhóm để giao và hoàn thành công việc |  |
| 6 | 17, 18 | *Uy-lit-xơ trở về*(trích*Ô-đi-xê)* | - Trí tuệ và tình yêu của Uy-lít-xơ và Pê-nê-lốp, biểu tượng của những phẩm chất cao đẹp mà người Hi Lạp cổ đại khao khát vươn tới.  - Đặc sắc của nghệ thuật sử thi Hô-me-rơ: miêu tả tâm lí, lối so sánh, sử dụng ngôn từ, giọng điệu kể chuyện*.* | - Thấy được diện mạo tinh thần của người Hi Lạp cổ đại thể hiện ở trí tuệ và lòng chung thủy của nhân vật lí tưởng. Nắm được nghệ thuật của sử thi Ô-đi-xê.  - Kĩ năng đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại; phân tích nhân vật qua đối thoại. | - Dạy học trên lớp |  |
| 7 |  | Đọc thêm: *Ra-ma buộc tội (*trích *Ra-ma-ya-na).* | - Quan niệm của người Ấn Độ cổ đại về nhân vật và hành động của nhân vật lí tưởng.  - Đặc sắc cơ bản của nghệ thuật sử thi Ấn Độ: thể hiện nội tâm nhân vật, xung đột giàu kịch tính, giọng điệu kể chuyện. | - Thấy được vẻ đẹp tinh thần của người Ấn Độ cổ đại trong cuộc chiến đấu vì danh dự,nghĩa vụ và tình yêu;  - Hiểu được đặc điểm nghệ thuật sử thi *Ra-ma-ya-na.*  - Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại (sử thi), phân tích tâm lí, tính cách nhân vật, sự phát triển của xung đột nhân vật. | Hướng dẫn học sinh tự học |  |
| 19 | Hướng dẫn tự học:  - Lập dàn ý ‎ bài văn tự sự  - Miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự  - Luyện tập viết đoạn văn tự sự | - Dàn ý và các yêu cầu của việc lập dàn ý.  - Yếu tố miêu tả, biểu cảm và vai trò, tác dụng của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài văn tự sự; quan sát, liên tưởng, tưởng tượng và vai trò của quan sát, liên tưởng, tưởng tượng đối với việc miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự.  - Đoạn văn, nội dung và nhiệm vụ của đoạn văn trong văn bản tự sự; vị trí các đoạn văn trong văn bản tự sự. | - Biết cách lập dàn ý khi triển khai bài văn tự sự.  - Hiểu vai trò, tác dụng; biết kết hợp sử dụng, phân tích các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài văn tự sự.  - Hiểu khái niệm về đoạn văn; nội dung và nhiệm vụ của đoạn văn; biết viết đoạn văn tự sự. | Hướng dẫn học sinh tự học |  |
| 20-21 | *Tam đại con gà, Nhưng nó phải bằng hai mày* | - Tam đại con gà  - Bản chất của nhân vật “thầy” qua những việc gây cười và ý nghĩa phê phán của truyện: cái dốt không che đậy được, càng giấu càng lộ ra, càng làm trò cười cho thiên hạ.  - Nhưng nó phải bằng hai mày  - Sự kết hợp giữa lời nói và động tác trong việc thể hiện bản chất tham nhũng của thầy lí và tình cảnh vừa đáng thương, vừa đáng trách của người lao động khi lâm vào cảnh kiện tụng.  - Kết cấu ngắn gọn, chặt chẽ, lối kể chuyện tự nhiên, kết thúc bất ngờ. Thủ pháp chơi chữ, kết hợp giữa ngôn ngữ và hành động của các nhân vật. | - Tam đại con gà  - Thấy được mâu thuẫn trái tự nhiên trong cách ứng phó của nhân vật “thầy”, hiểu được ý nghĩa phê phán truyện; nắm được những đặc trưng cơ bản của truyện cười trào phúng.  - Rèn luyện kĩ năng phân tích một truyện cười thuộc thể loại trào phúng;  - Nhưng nó phải bằng hai mày  - Thấy được tình cảnh bi hài của người lao động xưa khi lâm vào cảnh kiện tụng và thái độ của nhân dân đối với nạn tham nhũng của quan lại địa phương;  - Hiểu được NT gây cười của truyện. | - Dạy học trên lớp  - Trực tiếp kết hợp các hình thức trao đổi, thảo luận, vấn đáp, thuyết giảng, gợi mở.  - Phân nhóm để sưu tầm thêm tp truyện cười |  |
| 8, 9 | 22, 23 | KIỂM TRA GIỮA KÌ I |  |  |  |  |
| 24, 25 | *Ca dao than thân, yêu thương, tình nghĩa*  (Tìm hiểu chung về Ca dao và dạy các bài ca dao 1 ,4,6) | - Niềm xót xa, đắng cay và tình cảm yêu thương thủy chung, đằm thắm ân tình của người bình dân trong xã hội cũ.  - Những đặc sắc của nghệ thuật dân gian trong việc thể hiện tâm hồn người lao động. | - Cảm nhận được nỗi niềm và tâm hồn của người bình dân xưa qua câu hát than thân và lời ca yêu thương tình nghĩa;  - Nhận thức rõ thêm nghệ thuật đậm màu sắc dân gian trong ca dao.  - Đọc – hiểu ca dao theo đặc trưng thể loại. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 9 | 26 | Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết | Đặc điểm của NNN và NNV xét theo các phương diện:  - Phương tiện ngôn ngữ.  - Tình huống giao tiếp.  - Phương tiện hỗ trợ.  - Từ, câu, văn bản. | - Nắm được những đặc điểm về tình huống giao tiếp, các phương tiện ngôn ngữ chủ yếu và các phương tiện hỗ trợ của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.  - Có kĩ năng sử dụng ngôn ngữ thích hợp với dạng nói và dạng viết. | - Dạy học trên lớp |  |
| 27 | *Ca dao hài hước* (Dạy các bài ca dao 1,2) | - Tâm hồn yêu đời và triết lí nhân sinh lành mạnh của người lao động Việt Nam ngày xưa được thể hiện bằng nghệ thuật trào lộng thông minh, hóm hỉnh. | - Cảm nhận được tiếng cười lạc quan yêu đời của người bình dân trong xã hội xưa;  - Thấy được nghệ thuật trào lộng thông minh, hóm hỉnh trong các bài ca dao hài hước.  - Kĩ năng tiếp cận và phân tích ca dao. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 10, 11 | 28 | Đọc thêm*Lời tiễn dặn (*trích*Tiễn dặn người yêu)* | - Nỗi xót thương của chàng trai và niềm đau khổ tuyệt vọng của cô gái.  - Khát vọng hạnh phúc, tình yêu thủy chung của chàng trai, cô gái.  - Sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình, cách thể hiện tâm trạng nhân vật. | - Thấy được nỗi xót thương, đau khổ tuyệt vọng; cảm nhận được khát vọng tự do yêu đương, thủy chung gắn bó của chàng trai và cô gái Thái.  - Hiểu được sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình, cách diễn tả tâm trạng nhân vật trong truyện thơ dân gian.  - Đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại. | Hướng dẫn học sinh tự học |  |
| 29 | Trả bài kiểm tra giữa kì |  |  |  |  |
| 30, 31 | Ôn tập văn học dân gian Việt Nam | Đặc trưng, thể loại, các giá trị cơ bản của văn học dân gian qua hệ thống các tác phẩm vừa học. | - Nắm được một cách có hệ thống các tri thức về đặc trưng, thể loại, giá trị của các tác phẩm VHDG qua các tác phẩm đã học.  - Biết vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu các tác phẩm VH dân gian cụ thể | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 11 | 32, 33 | Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ thứ X đến hết thế kỉ XIX | - Văn học trung đại bao gồm hầu như mọi văn bản ngôn từ, từ văn nghị luận chính trị xã hội, sử học, triết học, văn hành chính như chiếu, biểu, hịch, cáo,… cho đến văn nghệ thuật như thơ, phú, truyện, kí,… do tầng lớp trí thức sáng tác.  - Các thành phần, các giai đoạn phát triển, đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn học trung đại. | - Hiểu được sự hình thành và phát triển của VH trung đại qua các giai đoạn; nội dung và những đặc điểm nghệ thuật cơ bản của văn học thời kì này.  - Rèn luyện kĩ năng nhận diện một giai đoạn văn học; cảm nhận tác phẩm thuộc giai đoạn văn học trung đại. | - Dạy học trên lớp  - Kết hợp các phương pháp: hoạt động nhóm, sơ đồ hóa, thảo luận, giải quyết vấn đề. |  |
| 12 | 34 | Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. | - Khái niệm NNSH: lời ăn, tiếng nói hằng ngày, dùng để thông tin, trao đổi ý nghĩ, tình cảm, đáp ứng những nhu cầu trong cuộc sống thường nhật.  - Hai dạng NNSH: chủ yếu là dạng nói (khẩu ngữ) đôi khi ở dạng viết (thư từ,nhật kí, nhắn tin,…).  - Ba đặc trưng cơ bản của PCNNSH (tính cụ thể, tính cảm xúc, tính cá thể) và các đặc điểm về phương tiện NN phù hợp với ba đặc trưng. | - Nắm được khái niệm NNSH, PCNNSH, các đặc trưng cơ bản của PCNNSH  - Lĩnh hội và phân tích NN thuộc PCNNSH.  - Sử dụng NN thích hợp để giao tiếp trong SH hằng ngày. | - Dạy học trên lớp |  |
| 35-36 | *Tỏ lòng*(Phạm Ngũ Lão) | - Vẻ đẹp con người thời Trần với tầm vóc, tư thế, lí tưởng cao cả; vẻ đẹp của thời đại với khí thế hào hùng, tinh thần quyết chiến thắng.  - Hình ảnh kì vĩ; ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm. | - Cảm nhận được “Hào khí Đông A” thể hiện qua vẻ đẹp của con người và thời đại;  - Nhận thức được bút pháp thơ trung đại thể hiện trong bài thơ.  - Đọc – hiểu một bài thơ Đường luật | - Dạy học trên lớp kết hợp các phương pháp: đọc diển cảm, trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi |  |
| 13 | 37, 38 | *Cảnh ngày hè*(Nguyễn Trãi) | - Vẻ đẹp của bức tranh ngày hè được gợi tả một cách sinh động.  - Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi: nhạy cảm với thiên nhiên, với cuộc sống đời thường của nhân dân, luôn hướng về nhân dân với mong muốn “Dân giàu đủ khắp đòi phương”.  - Nghệ thuật thơ Nôm độc đáo, những từ láy sinh động và câu thơ lục ngôn tự nhiên. | - Cảm nhận được vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên ngày hè và vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi.  - Nhận thức được đặc điểm của thơ Nôm Nguyễn Trãi.  - Đọc – hiểu một bài thơ Nôm Đường luật theo đặc trưng thể loại. | - Dạy học trên lớp kết hợp các phương pháp: đọc diển cảm, trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi |  |
| 39-40 | *Nhàn*(Nguyễn Bỉnh Khiêm) | - Một tuyên ngôn về lối sống hòa hợp với thiên nhiên, đứng ngoài vòng danh lợi, giữ cốt cách thanh cao được thể hiện qua những rung động trữ tình, chất trí tuệ.  - Ngôn ngữ mộc mạc, tự nhiên nhưng ẩn ý thâm trầm, giàu tính trí tuệ. | - Bước đầu hiểu được quan niệm *nhàn* của Nguyễn Bỉnh Khiêm.  - Thấy được đặc điểm nghệ thuật của bài thơ.  - Đọc – hiểu một bài thơ Nôm Đường luật. | - Dạy học trên lớp kết hợp các phương pháp: đọc diển cảm, trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi |  |
| 14 | 41-42 | *Đọc "Tiểu Thanh kí"*  (Nguyễn Du) | - Tiếng khóc cho số phận người phụ nữ tài sắc mệnh bạc đồng thời là tiếng nói khao khát tri âm của nhà thơ.  - Hình ảnh thơ mang ý nghĩa biểu trưng sâu sắc. | - Cảm nhận được niềm cảm thương mà Nguyễn Du dành cho Tiểu Thanh, cho tất cả những kiếp người tài hoa trong xã hội và tâm sự khao khát tri âm hướng về hậu thế của nhà thơ;  - Thấy được nghệ thuật của bài thơ trữ tình Nguyễn Du.  - Đọc – hiểu thơ Đường luật theo đặc trưng thể loại. | - Dạy học trên lớp  - Hoạt động nhóm làm sơ đồ tư duy.  - Thảo luận, thuyết trình, nộp sản phẩm chấm điểm  - Trả lời câu hỏi |  |
|  | Đọc thêm:  *- Vận nước*(Đỗ Pháp Thuận)  *- Cáo bệnh, bảo mọi người*(Mãn Giác)  *- Hứng trở về* | - Quan niệm về vận nước, ý thức trách nhiệm của nhà sư đối với Tổ quốc; sự lựa chọn từ ngữ và cách so sánh trong bài thơ.  - Sức sống mãnh liệt và cái đẹp của tinh thần lạc quan.  - Nỗi lòng hướng về xứ sở và mong muốn tha thiết quay về quê hương khắc khoải trong tâm trạng của nhà thơ. | - Hiểu được quan niệm của một bậc đại sư về vận nước. Từ đó thấy được tấm lòng đối với đất nước của tác giả.  - Cảm nhận được tinh thần lạc quan, sức sống mãnh liệt của con người thời đại, vượt lên trên quy luật của tạo hóa.  - Cảm nhận được nỗi nhớ quê hương, xứ sở, lòng yêu đất nước, niềm tự hào dân tộc của nhà thơ; thấy được hệ thống từ ngữ giản dị, hình ảnh gần gũi, quen thuộc.  - Đọc – hiểu bài thơ Đường luật theo đặc trưng thể loại. | Hướng dẫn học sinh tự học |  |
| 43 | *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* (Lí Bạch) | - Tình cảm chân thành, trong sáng, cảm động của nhà thơ đối với bạn.  - Hình ảnh, ngôn ngữ tươi sáng, gợi cảm. | - Cảm nhận được tình bạn chân thành, trong sáng của Lí Bạch.  - Hiểu được phong cách thơ tứ tuyệt của tác giả.  - Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.  - Phân tích theo những đặc trưng cơ bản của thơ. | - Dạy học trên lớp |  |
| 15 | 44 | Thực hành phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ | - Khái niệm cơ bản về từng phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ.  - Tác dụng của từng phép tu từ nói trên trong ngữ cảnh giao tiếp. | - Ôn luyện, củng cố và nâng cao kiến thức cơ bản về hai phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ.  - Có kĩ năng nhận diện, phân tích và cảm thụ hai phép tu từ này trong văn bản.  - Bước đầu có thể sử dụng ẩn dụ, hoàn dụ phù hợp với ngữ cảnh để mang lại hiệu quả giao tiếp nhất định. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 45 | *Cảm xúc mùa thu* (Đỗ Phủ) | - Cảnh buồn mùa thu và tâm trạng con người cũng buồn như cảnh.  - Qua việc tiếp nhận văn bản, củng cố những kiến thức đã học về hình thức và đặc điểm nghệ thuật của thơ Đường luật. | - Hiểu được tâm trạng buồn rầu của nhà thơ trong cảnh đất nước loạn li: nỗi nhớ quê hương và nỗi ngậm ngùi xót xa cho thân phận của người xa quê.  - Biết thêm một khía cạnh và đặc điểm của thơ Đường luật: kết cấu chặt chẽ, tính cô đọng, hàm súc của hình ảnh và ngôn ngữ thơ.  - Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.  - Phân tích cảm hứng nghệ thuật, hình ảng, ngôn từ và giọng điệu thơ. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp: đọc diển cảm, trao đồi, thảo luận, nhóm , trả lời câu hỏi |  |
| 46 | Đọc thêm:  *- Lầu Hoàng Hạc*  *- Nỗi oán của người phòng khuê*  *- Khe chim kêu* | - *Lầu Hoàng Hạc*: Suy tư sâu lắng đầy tính triết lí của tác giả về mối tương quan giữa cái hữu hình và vô hình, giữa quá khứ và hiện tại thể hiện qua lời thơ; nỗi buồn, nỗi lòng thương nhớ quê hương của nhà thơ.  - *Nỗi oán của người phòng khuê:* Tâm trạng của người thiếu phụ diễn biến theo tác động của ngoại cảnh.  - *Khe chim kêu*: Tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của nhà thơ trước đêm trăng thanh tịnh; mối quan hệ giữa *tĩnh* và *động* trong bài thơ. | - Cảm nhận được những suy tư sâu lắng đầy tính triết lí trước cảnh lầu Hoàng Hạc thể hiện nỗi buồn và nỗi lòng nhớ quê hương của tác giả; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, lời thơ ngắn gọn, ý hàm súc, cô đọng.  - Thấy được diễn biến tâm trạng của người chinh phụ, qua đó lên án chiến tranh phi nghĩa, đề cao khát vọng sống hạnh phúc của con người.  - Cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn tinh tế của nhà thơ trong đêm trăng thanh tĩnh; thấy được mối quan hệ giữa *động* và *tĩnh* trong cách thể hiện của bài thơ.  - Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại. | Hướng dẫn học sinh tự học |  |
| 16,  17 | 47 | Trình bày một vấn đề  (Lí thuyết và thực hành trình bày một vấn đề) | - Tầm quan trọng và yêu cầu của việc trình bày một vấn đề trước tập thể.  - Các bước chuẩn bị để trình bày một vấn đề. | - Nắm được các yêu cầu cơ bản và biết cách trình bày một vấn đề trước tập thể. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
|  | 48 | Lập kế hoach cá nhân | - Khái niệm về lập kế hoạch cá nhân.  - Sự cần thiết của việc lập kế hoạch cá nhân.  - Tầm quan trọng của ý thức và thói quen lập kế hoạch làm việc. | - Nắm được cách lập kế hoạch cá nhân;  - Hình thành thói quen và kĩ năng lập kế hoạch cá nhân. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 17 | 49 | *Thơ Hai-kư của Ba-sô*  (Tìm hiểu chung về thơ Hai-cư và dạy các bài 1,2,3,6) | - Thơ hai-cư và đặc trưng của nó.  - Thơ hai-cư của Ba-sô.  - Hình ảnh thơ mang tính triết lí, giàu liên tưởng. | - Hiểu được thế nào là thơ hai-cư;  - Cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong thơ hai-cư của Ba-sô.  - Biết đọc – hiểu bài thơ hai-cư . | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp: đọc diển cảm, trao đồi, thảo luận, nhóm , trả lời câu hỏi |  |
| 18 | 50-51 | Ôn tập |  |  |  |  |
| 52-53 | KIỂM TRA CUỐI KÌ I |  |  |  |  |
| 54 | Trả bài KTHK 1 |  |  |  |  |
| ........ |  |  |  |  |  |  |

**Học kì II**

**Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài học, chủ đề** | **Nội dung/Mạch kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Ghi chú** |
| 19,  20 | 55 | Các hình thức kết cấu của văn bản thuyết minh | - Hoàn thiện các kiến thức về VBTM đã học ở THCS: yêu cầu, PPTM.  - Các hình thức kết cấu cả VBTM. | - Nắm được các hình thức kết cấu cả VBTM.  - Xây dựng được kết cấu cho VB phù hợp với đối tượng thuyết minh.  - Lựa chọn hình thức kết câu và xây dựng được kết cấu cho VB phù hợp với đối tượng TM. | - Dạy học theo nhóm kết hợp dạy học cá nhân  - Hình thức thảo luận |  |
| 56 | Lập dàn ý bài văn  thuyết minh | - Dàn ý và yêu cầu của mỗi phần trong dàn ý của một bài văn TM.  - Cách lập dàn ý khi triển khai bài văn TM. | Lập được dàn ý cho một bài văn TM có đề tài gần gũi, quen thuộc | - Dạy học theo nhóm kết hợp dạy học cá nhân  - Hình thức thảo luận |  |
| 57, 58 | *Phú sông Bạch Đằng*  (Trương Hán Siêu) | - Niềm tự hào về truyền thống yêu nước và truyền thống đạo lí nhân nghĩa của dân tộc.  - Sử dụng lối “chủ - khách đối đáp”, cách dùng hình ảnh, điển cố chọn lọc, câu văn tự do phóng túng. | - Cảm nhận được nội dung yêu nước và tư tưởng nhân văn của bài *Phú sông Bạch Đằng* qua hoài niệm về quá khứ và lòng tự hào về truyền thống dân tộc của tác giả;  - Nắm được đặc điểm cơ bản của thể phú, phân biệt được những nét đặc sắc của bài *Phú sông Bạch Đằng*  - Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại. | - Dạy học theo nhóm kết hợp dạy học cá nhân  - Hình thức thảo luận |  |
| 20, 21 | 59, 60, 61 | *Đại cáo bình Ngô* | - Nét chính về cuộc đời, sự nghiệp văn học của NT  - Bản anh hùng ca tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược gian khổ mà hào hùng của quân dân Đại Việt.  - Bản tuyên ngôn độc lập vừa chói sáng tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước và khát vọng hòa bình.  - Nghệ thuật mang đậm chất sử thi, lí lẽ chặt chẽ, đanh thép, chứng cứ giàu sức thuyết phục. | - Nét chính về cuộc đời, sự nghiệp văn học của NT. Cảm nhận được lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc thể hiện tập trung ở tư tưởng nhân nghĩa xuyên suốt bài cáo. Thấy rõ đây là yếu tố quyết định làm nên thắng lợi trong chiến tranh chống xâm lược. Nhận thức được vẻ đẹp của áng “*thiên cổ hùng văn*” với sự kết hợp hài hòa của sức mạnh lí lẽ và giá trị biểu cảm của hình tượng nghệ thuật.  **-** Phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại cáo. | - Dạy học theo nhóm kết hợp dạy học cá nhân  - Hình thức thảo luận |  |
| 62 | Tính chuẩn xác, hấp dẫn của văn bản thuyết minh. | - Yêu cầu về tính chuẩn xác hấp dẫn của VBTM.  - Một số biện pháp đảm bảo tính chuẩn xác, hấp dẫn của VBTM | - Hiểu thế nào là tính chuẩn xác hấp dẫn của VBTM.  - Biết viết VBTM có tính chuẩn xác, hấp dẫn.  - Nhận diện về các biểu hiện của tính chuẩn xác, hấp dẫn của VBTM qua các vd cụ thể.  - Bước đầu biết viết VBTM có tính chuẩn xác, hấp dẫn. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 22 | 63 | *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*  (Thân Nhân Trung) | - “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”, mối quan hệ giữa hiền tài và vận mệnh nước nhà.  - Ý nghĩa của việc khắc bia ghi tên tiến sĩ.  - Cách lập luận, kết cấu chặt chẽ, sử dụng ngôn ngữ chính luận. | - Thấy được quan niệm đúng đắn về vai trò của người hiền tài đối với vận mệnh đất nước và ý nghĩa của việc khắc bia biểu dương họ;  - Hiểu được cách viết văn chính luận sắc sảo, lập luận, kết cấu chặt chẽ, thuyết phục người đọc, người nghe.  - Đọc – hiểu văn chính luận theo đặc trưng thể loại. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 64 | Khái quát lịch sử  tiếng Việt | - Khái niệm về nguồn gốc ngôn ngữ, về quan hệ họ hàng, dòng nhánh ngôn ngữ nói chung và TV nói riêng.  - Những điểm chủ yếu trong tiến trình phát triển LS của TV qua các thời kì.  - Chữ viết của TV. | - Nắm được khái niệm họ, dòng, nhánh ngôn ngữ nói chung và trong tiếng Việt nói riêng. Hiểu được quan niệm về nguồn gốc, những điểm chủ yếu trong tiến trình phát triển lịch sử của tiếng Việt qua các thời kì. Hệ thống chữ viết của tiếng Việt cùng những đặc điểm của chữ Quốc ngữ.  - Có kĩ năng viết đúng các quy định, phát hiện và sửa chữa sai sót về chữ viết. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 65 | Đọc thêm:  - Tựa *“Trích diễm Thi tập”*  - *Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn*  - *Thái sư Trần Thủ Độ* | - Ý thức trách nhiệm trong việc bảo tồn di sản văn học của tiền nhân và lời nhắc nhở các thế hệ; cách lập luận chặt chẽ kết hợp với tính biểu cảm.  - Nhân cách và đóng góp lớn lao của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cho đất nước; cách xây dựng nhân vật lịch sử; lối kể chuyện kiệm lời, giàu tính kịch.  - Bốn sự kiện và cách ứng xử của Trần Thủ Độ; nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, khắc họa tính cách nhân vật sắc sảo, kết cấu rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, hành văn mạch lạc | - Hiểu được niềm tự hào sâu sắc và ý nghĩa trách nhiệm của tác giả trong việc bảo tồn di sản văn học của dân tộc; nắm được nghệ thuật lập luận của tác giả*.*  - Cảm nhận được vẻ đẹp nhân cách và đóng góp lớn lao của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cho đất nước; cách xây dựng nhân vật lịch sử qua lời nói, cử chỉ và hành động; nghệ thuật kết hợp giữa biên niên và tự sự; lối kể chuyện kiệm lời, giàu tính kịch*.*  - Nhận thức được vẻ đẹp nhân cách củaTrần Thủ Độ; đặc điểm của ngòi bút sử kí Ngô Sĩ Liên trong nghệ thuật kể chuyện, khắc họa tính cách nhân vật, kết cấu, diễn đạt,… | Hướng dẫn học sinh tự học |  |
| 23 | 66 | Phương pháp thuyết minh | - Tầm quan trọng của các PPTM trong VBTM.  - Các PP được sử dụng trong VBTM.  - Các yêu cầu và nguyên tắc lựa chọn, vận dụng và phối hợp các PPTM. | - Hiểu tầm quan trọng của PPTM và những yêu cầu đối với việc vận dụng PPTM.  - Nắm được một số PPTM cụ thể.  - Nhận diện và phân tích hiệu quả của mỗi PPTM qua các ví dụ cụ thể.  - Lựa chọn, vận dụng và phối hợp các PPTM phù hợp với đối tượng, làm nổi bật đặc điểm của đối tượng và tăng sức hấp dẫn cho VBTM. | - Dạy học theo nhóm kết hợp dạy học cá nhân  - Hình thức thảo luận |  |
| 67, 68 | *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ) | - Một số đặc trưng cơ bản của thể loại truyền kì.  - Vẻ đẹp của nhân vật Ngô Tử Văn – đại diện cho người trí thức nước Việt dũng cảm, kiên cường, yêu chính nghĩa, trọng công lí và có tinh thần dân tộc mạnh mẽ.  - Niềm tin chính nghĩa luôn thắng gian tà và lời nhắn nhủ: phải đấu tranh đến cùng để tiêu diệt cái ác, cái xấu.  - Cốt truyện giàu kịch tính; kết cấu truyện chặt chẽ, lô gic; cách dẫn truyện khéo léo, kể chuyện linh hoạt, miêu tả sinh động, hấp dẫn. | - Thấy được phẩm chất dũng cảm, kiên cường, trọng công lí, chính nghĩa và tinh thần dân tộc của nhân vật Ngô Tử Văn;  - Thấy được cách kể chuyện sinh động, hấp dẫn, giàu kịch tính của tác giả*.*  - Đọc, tóm tắt được tác phẩm tự sự trung đại.  - Phân tích nhân vật trong truyện truyền kì*.* | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 24, 25 | 69 | Luyện tập viết đoạn văn thuyết minh | - Đoạn văn, các yêu cầu viết một đoạn văn nói chung.  - Các yêu cầu viết đoạn văn TM. | - Biết vận dụng những kiến thức đã học về đoạn văn, VBTM để viết được đoạn văn TM có đề tài quen thuộc, gần gũi.  - So sánh để nhận ra điểm khác nhau giữa đoạn văn TS và đoạn văn TM. | - Dạy học theo nhóm kết hợp dạy học cá nhân  - Hình thức thảo luận |  |
| 70-71 | Những yêu cầu sử dụng tiếng Việt | - Những yêu cầu về sử dụng TV theo các chuẩn mực về ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp, về PCNN,…  - Những yêu cầu sử dụng hay để đạt hiệu quả giao tiếp cao. | - Nắm được những yêu cầu về sử dụng TV ở các phương diện ngữ âm, chữ viết, dùng từ, đặt câu, cấu tạo VB, PCNN,…  - Vận dụng được những yêu cầu trên vào việc sử dụng TV vào việc phân tích và sửa chữa lỗi về TV.  - Sử dụng TV theo đúng chuẩn mực ngôn ngữ.  - Sử dụng sáng tạo, linh hoạt theo các phương thức chuyển đổi, theo các phép tu từ.  - Phát hiện, phân tích và sửa lỗi về phát âm, về chữ viết, về dùng từ, đặt câu, cấu tạo vb, về PCNN,… | - Dạy học theo nhóm kết hợp dạy học cá nhân  - Hình thức thảo luận |  |
| 72-73 | *Hồi trống Cổ Thành*  (trích *Tam quốc diễn nghĩa*  - La Quán Trung) | - *Hồi trống Cổ Thành* – hồi trống thách thức, minh oan, đoàn tụ.  - Tính chất kể chuyện (viết để kể) biểu hiện ở cốt truyện, ngôn từ, hành động, nhân vật mang tính cá thể cao. | - Hiểu được tính cách cương trực, biểu hiện lòng trung nghĩa của Trương Phi và tình cảm keo sơn gắn bó của những người anh em kết nghĩa;  - Cảm nhận được không khí chiến trận qua đoạn trích*.*  - Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.  - Phân tích, rút ra đặc điểm, tính cách nhân vật*.* | - Dạy học theo nhóm kết hợp dạy học cá nhân  - Hình thức thảo luận |  |
| 25, 26 |  | Đọc thêm: *Tào Tháo uống rượu luận anh hùng*  (trích *Tam quốc diễn nghĩa* - La Quán Trung) | - Lưu Bị khiêm nhường, thận trọng, kín đáo, khôn ngoan. Tào Tháo gian hùng nhưng chủ quan nên thất bại trong cuộc đấu trí.  - Cách miêu tả nhân vật qua cử chỉ, ngôn ngữ giàu kịch tính. | - Hiểu được tính cách của Tào Tháo và Lưu Bị;  - Thấy rõ nghệ thuật kể chuyện giàu kịch tính thông qua cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ của từng nhân vật và chi tiết chọn lọc  - Đọc – hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại. | Hướng dẫn học sinh tự học |  |
| 74, 75 | *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* (trích *Chinh phụ ngâm* ) | - Tiếng nói tố cáo chiến tranh phong kiến và đề cao hạnh phúc lứa đôithể hiện qua việc miêu tả thế giới nội tâm đầy những mong nhớ, cô đơn, khao khát, … của người chinh phụ. | - Cảm nhận được tâm trạng cô đơn, sầu muộn của người chinh phụ trong tình cảnh lẻ loi khi chồng đi chinh chiến; thấy được tiếng nói tố cáo chiến tranh phong kiến và đề cao hạnh phúc lứa đôi*.*  - Thấy được sự tài tình, tinh tế trong nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật.  - Đọc – hiểu tiếp cận thể loại văn bản | - Dạy học theo nhóm kết hợp dạy học cá nhân  - Hình thức thảo luận |  |
| 26 | 76, 77 | Kiểm tra giữa kì II |  |  |  |  |
| 78 | Tóm tắt văn bản  thuyết minh | Mục đích, yêu cầu và cách thức TTVBTM. | - Hiểu mục đích, yêu cầu của việc TTVBTM.  - Biết cách TTVBTM có nội dung đơn giản.  - TTmột VBTM có nội dung đơn giản.  - Trình bày VBTM trước tập thể. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 27,  28, 29 | 79 | Lập dàn ‎‎ý cho bài văn  nghị luận | - Tác dụng, yêu cầu của việc lập dàn ý bài văn NL.  - Các bước lập dàn ý bài văn NL. | - Nắm được cách lập dàn ý bài văn NL.  - Lập được dàn ý bài văn NL.  - Vận dụng những kiến thức đã học về VNL để lập được dàn ý cho một đề văn NL.  - Thực hành lập dàn ý cho một số đề VNL. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 80 | Trả bài kiểm tra giữa kì II |  |  |  |  |
| 81,8283,8485,86  87 | **Chủ đề:**  ***Truyện Kiều***  *- Truyện Kiều*  *(*Phần một: Tác giả, tác phẩm)  -*Trao duyên*  - *Chí khí anh hùng*  - Thực hành các phép tu từ: phép điệp và phép đối | - Những yếu tố về thời đại, gia đình và cuộc đời làm nên một thiên tài Nguyễn Du cùng sự nghiệp văn học vĩ đại của ông; những nội dung và nghệ thuật chủ yếu của *Truyện Kiều.*  - Bi kịch tình yêu, thân phận bất hạnh và sự hi sinh quên mình của Kiều; nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, sử dụng thành công lối độc thoại nội tâm.  - Ước mơ công lí của Nguyễn Du gửi gắm qua hình tượng Từ Hải, một con người có phẩm chất và chí khí phi thường; sáng tạo đặc sắc trong việc xây dựng hình tượng anh hùng Từ Hải.  - Kiến thức về phép điệp, phép đối. | - Những yếu tố về thời đại, gia đình và cuộc đời làm nên thiên tài Nguyễn Du cùng sự nghiệp văn học vĩ đại của ông. Những nội dung và nghệ thuật chủ yếu của *TK.*  - Nhìn nhận với mức độ phổ thông một đỉnh cao văn học  - Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các đoạn trích Truyện Kiều: Trao duyên; Chí khí anh hùng  -Củng cố và nâng cao kiến thức về phép điệp và phép đối. Cảm thụ sâu sắc hơn nữa những phép điệp, phép đối đã được sử dụng trong các đoạn trích *Truyện Kiều* đã học.  - Có kĩ năng nhận diện, cảm thụ và phân tích phép điệp và phép đối trong các tác phẩm nghệ thuật. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 30 | 88 | Phong cách ngôn ngữ  nghệ thuật | - Khái niệm NNNT: (với nghĩa chuyên môn) NN dùng trong TP văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà quan trọng hơn là có chức năng thẩm mĩ. NNNT bao gồm NN trong các TPTS, trữ tình và TP sân khấu.  - PCNNNT có ba đặc trưng cơ bản: tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể hóa. | - Nắm được khái niệm: NNNT, PCNNNT, các đặc trưng cơ bản của PCNNNT;  - Có kĩ năng phân tích, cảm thụ NNNT, bước đầu sử dụng một số biện pháp để nâng cao hiệu quả diễn đạt.  - Nhận diện, cảm thụ và phân tích NNNT: các biện pháp NT và hiệu quả nghệ thuật của chúng.  - Bước đầu sử dụng NN để đạt được hiệu quả NT khi nói, nhất là khi viết: so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, tượng trưng,… | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 89 | Đọc thêm:  - *Thề nguyền* (trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du)  - *Nỗi thương mình*  (trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du) | - Vẻ đẹp của mối tình Kim – Kiều, khát vọng tình yêu tự do.  - Nỗi thương mình và sự ý thức về nhân phẩm của Kiều.  - Sử dụng các phép tu từ, hình thức đối xứng, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh. | - Cảm nhận được vẻ đẹp của mối tình Kim – Kiều và khát vọng hạnh phúc của đôi trai tài gái sắc;  - Hiểu được tâm trạng của Kiều trong cảnh ngộ từ một thiếu nữ tài sắc, tâm hồn trong trắng bị đẩy vào chốn lầu xanh nhơ bẩn*.*  - Cảm nhận được tấm lòng trân trọng, sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật.  - Thấy được nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích. | Hướng dẫn học sinh tự học |  |
| 90 | Lập luận trong bài văn nghị luận | - Khái niệm về lập luận trong văn NL.  - Các yêu cầu xây dựng lập luận trong văn NL. | - Nắm vững yêu cầu và cách thức xây dựng lập luận trong văn NL.  - Xây dựng được lập luận trong bài văn NL.  - Tìm và phân tích các luận điểm, luận cứ và PPLL trong một số đoạn văn, bài văn NL.  - Nhận diện các TT trong đoạn văn, bài văn NL.  - Viết đoạn văn NL triển khai một luận điểm cho trước theo các luận cứ, TT và PPLL phù hợp. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 31 | 91 | Văn bản văn học | - Các tiêu chú chủ yếu của VBVH.  - Cấu trúc của VBVH với các tầng ngôn từ, hình tượng, hàm nghĩa. | - Nắm được những tiêu chí chủ yếu và cấu trúc của một VBVH;  - Vận dụng những hiểu biết trên để tìm hiểu TPVH.  - Phân tích TP theo đặc trưng thể loại.  - Cảm thụ TP có chiều sâu. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 92 | Nội dung và hình thức của văn bản văn học | - Các khái niệm về nội dung VBVH: đề tài, chủ đề, tư tưởng của VB, cảm hứng nghệ thuật.  - Các khái niệm về hình thức của VBVH: ngôn từ, kết cấu, thể loại. | - Nắm vững các khái niệm về nội dung và hình thức VBVH.  - Biết vận dụng những tri thức đó để tìm hiểu VBVH.  - Xác định được các khái niệm về nội dung và hình thức VBVH khi đọc một truyện ngắn hay một bài thơ ngắn.  - Cảm nhận có chiều sâu VBVH. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 93 | Các thao tác nghị luận | - Khái niệm TTNL.  - Cách thức triển khai các TTNL: giải thích, chứng minh, phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp.  - Yêu cầu vận dụng các TT phù hợp với từng vấn đề NL | - Hiểu thế nào là TTLL.  - Nắm được một số TTLL thường gặp và các yêu cầu đối với việc vận dụng các TT đó.  - Nhận diện và phân tích vai trò của các TTNL đã học qua các VBNL.  - Vận dụng các TTNL phù hợp với các vấn đề để nâng cao hiệu quả của bài văn NL | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 32 | 94, 95, 96 | Tổng kết phần Văn học | Cách nhìn tổng quát về nội dung và hình thức nghệ thuật của từng bộ phận VH | - Hệ thống được những kiến thức đã học trong sgk Ngữ văn lớp 10.  - Có khả năng phân tích TPVH theo từng cấp độ: ngôn ngữ, hình tượng VH, sự kiện, tác giả, tác phẩm.  So sánh giữa các bộ phận VH; hệ thống hóa những kiến thức đã học. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 33, 34 | 97 | Ôn tập phần Tiếng Việt | - Khái quát về LSTV.  - Hoạt động giao tiếp bằng NN.  - Hai PCNN (PCNNSH, PCNNNT).  - Những yêu cầu về sử dụng TV. | - Hệ thống hóa nội dung kiến thức về phần TV trong năm học để củng cố và nâng cao nhận thức.  - Tiếp tục rèn luyện và nâng cao những kĩ năng cần thiết liên quan đến những nội dung kiến thức về TV đã được hình thành trong năm học  - Kĩ năng tổng hợp,hệ thống hóa kiến thức: so sánh, đối chiếu, khái quát hóa.  - Kĩ năng lập bảng tổng kết để hệ thống hóa kiến thức.  - Kĩ năng luyện tập thực hành để củng cố, nâng cao kiến thức. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 98 | Ôn tập phần Làm văn | - Đặc điểm của các kiểu VBTS, TM, NL.  - Dàn ý của bài văn TS có sử dụng yếu tố MT, BC.  - các PPTM, cách lập dàn ý bài văn TM đảm bảo tính chuẩn xác, hấp dẫn.  - Các TTLL và cách lập dàn ý bài văn NL.  - Yêu cầu và cách thức TTVBTS, TM.  - Đặc điểm và cách viết KH cá nhân và QC. | - Củng cố và hoàn thiện các kiến thức và kĩ năng về các kiểu VB đã học ở THCS và nâng cao ở lớp 10; ôn tập các kiểu VB mới đã học.  - Phân tích, lập dàn ý bài văn TS, TM, NL.  - Viết đoạn văn TS, TM, NL  - TTVBTS, TM.  - Viết KH cá nhân và QC.  - Trình bày một vấn đề. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 99, 100 | Luyện tập viết đoạn văn nghị luận | - Hoàn thiện các kiến thức về đoạn văn, các yêu cầu viết một đoạn văn nói chung.  - Vai trò và các yêu cầu viết đoạn văn trong BVNL. | Biết viết đoạn văn NL phù hợp với vị trí và chức năng của chúng trong bài VNL.  - So sánh để nhận ra những điểm khác nhau giữa đoạn văn TS, đoạn văn TM và đoạn văn NL.  - Vận dụng những kiến thức, kĩ năng về đoạn văn, về VNL để viết một đoạn văn ngắn phù hợp với vị trí và chức năng của chúng trong BVNL. | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 34 | 101, 102 | KIỂM TRA CUỐI KÌ II |  |  |  |  |
| 35 | 103 | Viết quảng cáo | - Khái niệm VBQC, vai trò của QC trong đời sống.  - Yêu cầu và cách viết QC cho một sản phẩm hoặc một dịch vụ. | - Hiểu yêu cầu và cách viết quảng cáo.  - Biết viết VBQC.  - Biết lựa chọn hình thức QC phù hợp với nội dung QC.  - Biết viết VBQC thông thường | - Dạy học trên lớp  - Phương pháp thảo luận, làm việc nhóm |  |
| 104 | Trả bài kiểm tra cuối kì II |  |  |  |  |
| 105 | Hướng dẫn học trong hè |  |  |  |  |

**Duyệt của trường Tổ trưởng chuyên môn**

**................**